

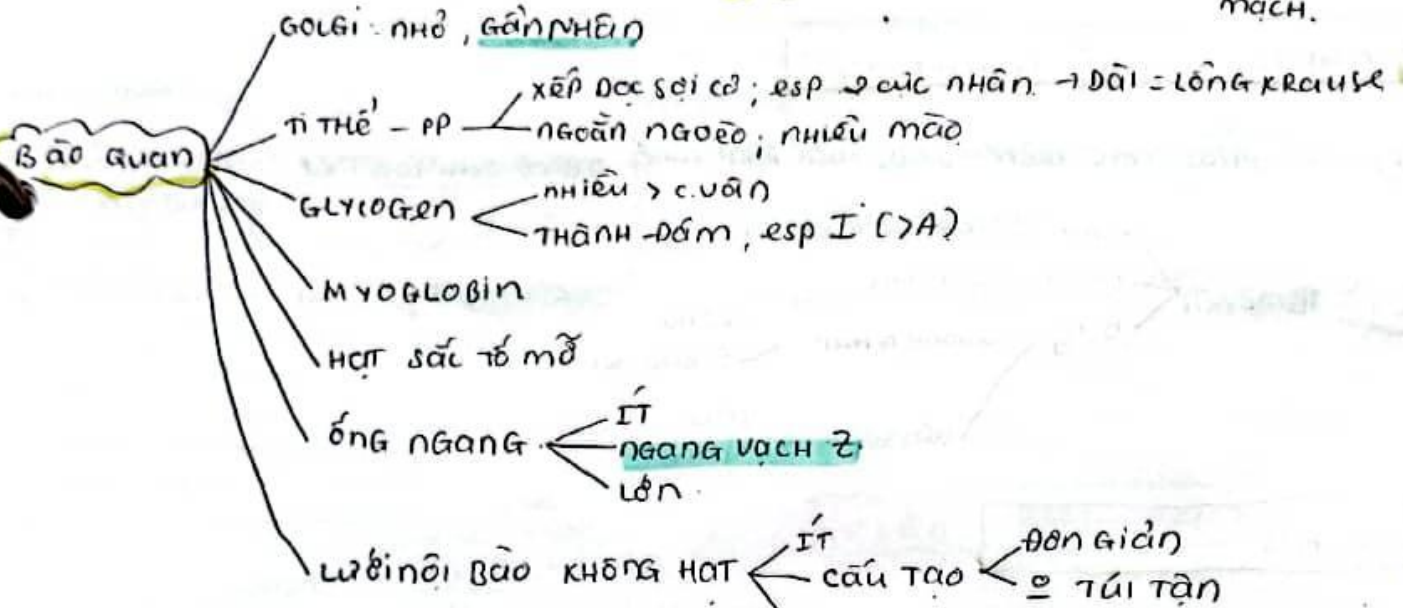
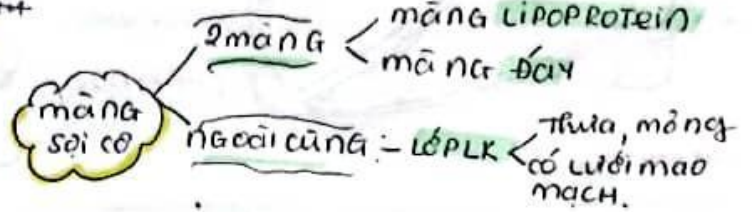
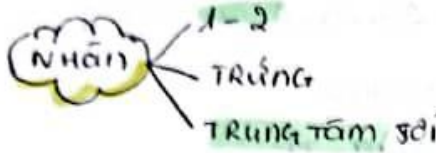
CƠ TIM

cơ vân loại đặc biệt

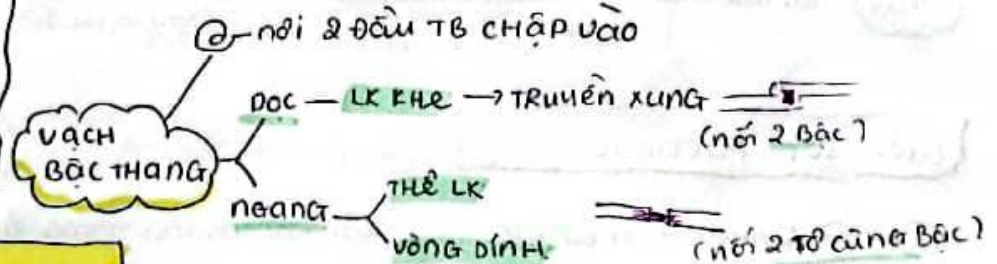
SƠ CỐ TIM

Tổ cơ → sợi cơ → lưới sợi cơ

vân ngang: mảnh, mỏng



TB TÂM NHĨ
< TB TÂM THẤT
& ít lông ngang hơn
⇒ truyền thế năng hoặc
động cơ tâm nhĩ

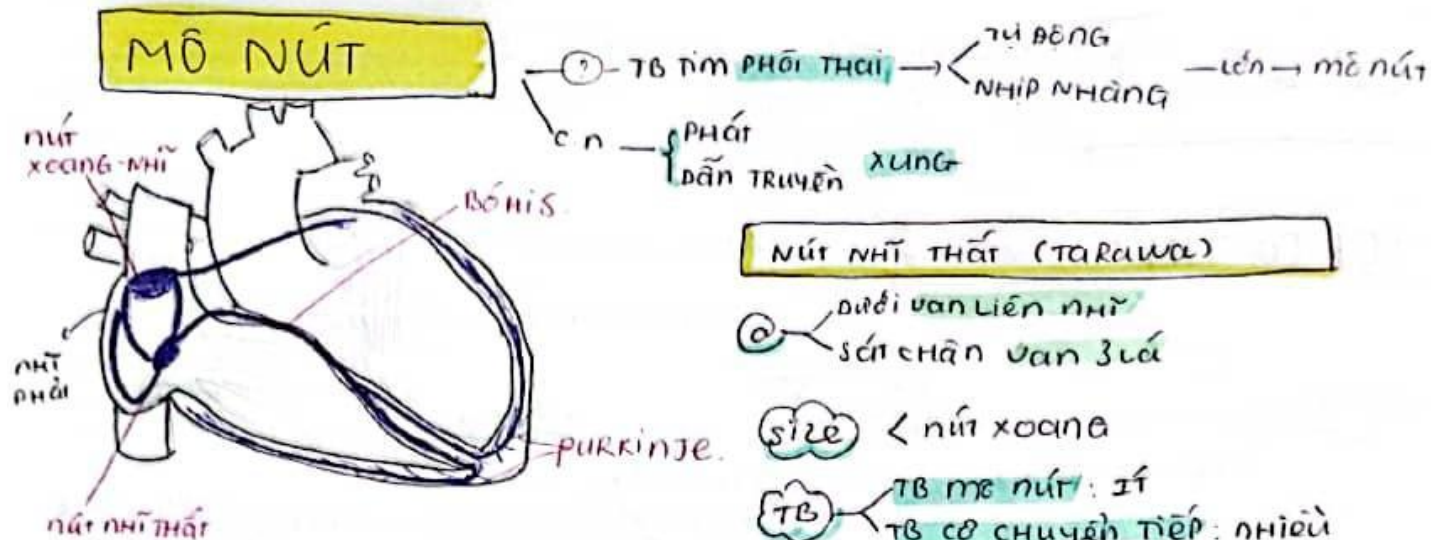


MỖ CƠ TIM

Lưới sợi cơ ⇒ 1 TB cơ thì có đám cơ → LỖ LƯỚI (giữa các TB, có: MLK THỪA → mao mạch, m. B.H, D.T.K.)

BỘ KHUNG { LÁ XƠ → chỗ BẮM CHỤT TB, vòng xơ → chia khối cơ làm 2 tầng. Tầng tâm nhĩ: mỏng, tầng tâm thất: dày

màng { màng TRONG TIM (mặt I), màng NGOÀI TIM (mặt ngoài)



Nút nhĩ thất (TARAWA)

- ở dưới van liên nhĩ
- sát chân van 3 lá
- size < nút xoang
- TB: TB mô nút: ít
- TB: TB cơ chuyển tiếp: nhiều

Nút xoang - NHĩ (KEITH FLACK)

- ở bên phải TMC trên ⇒ c.n. xuất phát xung
- CT - TB mô nút:
 - Hình: □ trụ, đa diện
 - Nhân: to, giữa
 - B.Tg:
 - quan nhĩ nhân:
 - lông
 - ở bao quan
 - ngoại vi:
 - to cơ
 - ti thể
- LB.KHE gắn nút xoang vs TB
- ở ngoại vi nút
- ngắn, mỏng hơn TB cơ tim

Bó His

- ? - Bó các TB mô nút chạy //
- chạy: nút nhĩ thất → thành (.) TNP nhĩ (mặt phải) → vách liên thất (SAULATRL) → 2 mặt bên vách LT (2 nhĩ nhĩ)

Lưới sợi Purkinje

- ở từ 2 nhĩ nhĩ of bó His → rải rác màng trong tim
- CT - TB cơ tim:
 - Tu động cao
 - size: to (x2 TB cơ tim)
 - xơ cơ: ít
 - GLYCOGEN: nhiều
 - ti thể: nhiều
 - LYSOSOM: rải rác
 - Lưới nội bào: KHÔNG PHÁT TRIỂN
- LB.KHE → Gắn vs TB cơ tim

CÁC TB NỘI TIẾT CƠ TIM

— TB cơ đặc biệt

(C.TẠO) $\equiv$ TB cơ tim + HẠT CHẾ TIẾT

có vỏ bọc
2 cực nhẵn
dưới màng BTg (xem kỹ TC cơ)

CHỨA TIỀN HORMON $\leftarrow$ CDD (cardiodilator) $\rightarrow$ Giảm tim

ANP (atrial natriuretic polypeptide) $\rightarrow$ Tăng bài Na⁺ niệu (126 aa)

xuất bào
đoạn aa đi vào máu

ỨNG CHẾ BÀI TIẾT $\left\{ \begin{array}{l} \text{ARGININ - VASOPRESSIN} \\ \text{(thủy saltu yếu tố)} \end{array} \right\} \rightarrow$ Giảm mạch HA, HA lưu lượng máu

ALDOSTEROL (vỏ thượng thận)

CƠ TRƠN

ở cơ vân ngang

KẾ PHỤ THUỘC MUỐN $\rightarrow$ HTK THƯỜNG VẬT CHỈ PHÔI

THÀNH TẠNG RÕNG
THÀNH MẠCH DA

XƠ CƠ

Gồm $\left\{ \begin{array}{l} \text{ACTIN} \\ \text{MYOSIN} \end{array} \right.$

hướng: dọc
quây kín MYOSIN
thể AIM 2/1 $\rightarrow$ 1/1/1

cơ vân: 2/1 $\rightarrow$ 4/1/1

XƠ TRUNG GIẢN $\left\{ \begin{array}{l} \text{chủ yếu: Desmin} \\ \text{vết, thành mạch: vimentin} \end{array} \right.$

$\Rightarrow$ Bó, chạy dọc sợi cơ

L-KET $\rightarrow$ ACTIN $\rightarrow$ ĐINH HUỖ KHUÔNG $\left\{ \begin{array}{l} \text{thể đặc cơ vân} \\ \text{tấm đặc sắc mỏng} \end{array} \right.$ (chú ý nối vs nhau thành lưới.)

cơ cơ $\rightarrow$ Bề mặt sợi cơ LÔI LỖM